Tạ Quang Khôi – DH20LT

1. Ip là gì? Có mấy loại IP?

● **Khái niệm IP**

- Địa chỉ IP là thuật ngữ được viết tắt bởi từ **Internet Protocol** (giao thức Internet). Địa chỉ IP là địa chỉ đơn nhất, nó giúp các thiết bị điện tử kết nối với nhau trên mạng internet.

● **Phân loại**

- 4 loại:

+ IP tĩnh

+ IP động

2. Các cách thiết lập IP cho 1 máy tính?

- **Bước 1**: Ấn chuột phải về icon Wifi chọn Open Network & Internet settings.

Graphical user interface, text, chat or text message

Description automatically generated

- **Bước 2**: Sang mục Wifi ấn vào Change adapter options.

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

- **Bước 3**: Nếu là mạng cắp dây trực tiếp thì tìm “Ethernet” nhấp chuột phải vào và chọn Properties (Nếu là mạng không dây thì tìm “Wifi” và làm tương tự).

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

- **Bước 4**: Kích đúp chuột vào Internet Protocol Version 4 (TCP/IPv4).

Graphical user interface, text, application, chat or text message

Description automatically generated

- **Bước 5**: Chọn mục Use the following IP address và sau đó thiết lập, gán IP cho máy tính à OK.

Graphical user interface

Description automatically generated

3. Tường lửa là gì? Hãy sử dụng tường lửa trong Windows để chặn kết nối 1 trang Web cụ thể, ví dụ: Facebook.

**● Khái niệm tường lửa**

- Tường lửa là một bức rào chắn giữa mạng nội bộ với một mạng khác , điều khiển lưu lượng ra vào giữa hai mạng này. Nếu như không có tường lửa thì lưu lượng ra vào mạng nội bộ sẽ không chịu bất kỳ sự điều tiết nào, còn một khi tường lửa được xây dựng thì lưu lượng ra vào sẽ do các thiết lập trên tường lửa quy định.

**● Sử dụng tường lửa để chặn Facebook**

- **Bước 1**: Vào cmd gõ lệnh “ping facebook.com”, xác định được ping của Facebook ở đây là 157.240.13.35.

**- Bước 2:** Vào Control Panel chọn Windows Defender Firewall.

- **Bước 3**: Chọn Advanced Settings.

- **Bước 4**: Chọn Outbound Rules à New Rule.

- **Bước 5**: Trong mục Rule Type chọn Custom à Next.

- **Bước 6**: Mục Program để mặc định à Next.

- **Bước 7**: Mục Protocol and Ports để mặc định à Next.

- **Bước 8**: Mục Scope ta thấy Which remote IP addresses does this rule apply to? à nhìn xuống dưới ta chọn These IP addresses và Add.

- **Bước 9**: Add IP cần chặn vào cụ thể đây là IP của Facebook 157.240.13.35 à Next.

- **Bước 10**: Mục Action ta chọn Block the connection à Next.

- **Bước 11**: Mục Profile để mặc định và mục Name đặt tên bình thường à OK

4. Các chuẩn kết nối không dây phổ biến?

+ Hồng ngoại (Infrared)

+ Wi-Fi.

+ Bluetooth.

+ NFC.

5. So sánh tốc độ các chuẩn kết nối WiFi?

- Chuẩn 802.11b

Chuẩn 802.11b có tốc độ xử lý 11 Mbps với băng tần 2.4 GHz, đôi khi dễ bị nhiều chữ bởi các thiết bị điện tử khác.

- Chuẩn 802.11a

Chuẩn 802.11a cung cấp tần số 5 GHz và tốc độ xử lý 54 Mbps. Tín hiệu của chuẩn này khó xuyên qua các bức tường và được bán ở một mức giá khá cao. WiFi được chia làm 7 chuẩn

- Chuẩn 802.11g

Chuẩn 802.11g hoạt động ở tần số 2.4 GHz và tốc độ xử lý 54 Mbps. Do đó, chuẩn này có phần mạnh hơn chuẩn b khi cùng ở tần số 2.4 GHz.

- Chuẩn 802.11n

Chuẩn kết nối 802.11n có thể hoạt động trên cả 2 băng tần là 2.4 GHz và 5 GHz. Bên cạnh đó, chuẩn n còn hỗ trợ tốc độ tối đa lên đến 300 Mbps. Nhờ khả năng hoạt động linh hoạt và giá cả phải chăng, chuẩn 802.11n là chuẩn được sử dụng phổ biến nhất hiện nay.

- Chuẩn 802.11ac

Chuẩn 802.11ac cung cấp băng tần 5 GHz và tốc độ lên đến 1.730 Mbps. Đây cũng có thể được coi là tốc độ cao nhất ở hiện tại. Do đó, để sử dụng chuẩn 802.11ac thì cần phải chi trả một chi phí khá cao nên thiết bị phát cho chuẩn này chưa được phổ biến rộng rãi.

- Chuẩn 802.11ad

Chuẩn 802.11ad hoạt động ở băng tần 60 GHz và tốc độ lên đến 70 Gbps. Tuy nhiên, sóng tín hiệu của chuẩn này khó xuyên qua tường hay vật cản nên nếu ở xa thiết bị phát sẽ khó bắt được WiFi.

6. Router là gì? Chức năng của Router trong kết nối Wifi gia đình bạn?

● **Khái niệm Router**

Router wifi (thường gọi là bộ phát wifi) là thiết bị mạng thường thấy trong các gia đình, văn phòng, bệnh viện... và chức năng của chúng là phát sóng wifi cho người dùng truy cập Internet để đọc báo, xem phim online hay làm việc.

● **Chức năng**

- Router có chức năng gửi các gói dữ liệu mạng giữa 2 hoặc nhiều mạng, từ một tới nhiều điểm đích đến cuối cùng từ router. Hay nói đơn giản hơn router vừa có thể kết nối wifi với điện thoại, máy tính bảng vừa kết nối mạng có dây với máy tính bàn, laptop, tivi.

7. File hosts là gì? Nếu xóa file hosts có ảnh hưởng đến sử dụng máy tính?

● **Khái niệm File hosts**

- File host là một tập tin lưu trữ thông tin IP của các máy chủ và tên miền (domain) được trỏ tới. Nó có thể được gọi là một DNS nhỏ trên máy tính của bạn. File host giúp cho các hệ điều hành biết được IP của máy chủ nơi một tên miền cụ thể nào đó được quản lý.

8. Power management là gì? Cách cấu hình tối ưu cho laptop?

● **Khái niệm Power management**

- Power management là quản lý nguồn điện ( năng lượng ) là một tính năng thiết bị máy tính cho phép người dùng kiểm soát được lượng điện tiêu thụ bởi một thiết bị cơ bản, với tác động tối thiểu về hiệu suất.

9. Cho biết các chế độ hiển thị trong Windows Explorer? Ý nghĩa của từng chế độ?

● **Các chế độ hiển thị trong Windows Explorer**

- List: là hiển thị mỗi mục trong một dòng với các thông tin về nó – gồm có ngày chỉnh sửa, kích thước, tác giả và kiểu.

- Icon(Small – Medium – Large): là một lưới các biểu tượng nhỏ cho mỗi mục, với filename và kích cỡ bên cạnh mỗi biểu tượng.

- Detail: là một dòng liệt kê mỗi mục với các cột tên, ngày chỉnh sửa, kiểu và kích thước.

- Group by: Sẵp xếp các file theo 1 thứ tự nào đó ( Size, Date, ...).

10. So sánh các chế độ khởi động: Normal Startup; Diagnostic Startup và Selective Startup.

- Normal Startup: khởi động bình thường.

- Diagnostic Startup: khởi động cơ bản.

- Selective Startup: khởi động có chọn lọc.

Test 7

1 - Hai máy tính có thể nối với nhau qua.. (chọn tất cả các câu trả lời đúng)

a. Serial port

b. Parallel port

c. USB port

d. Twisted-pair cable

2 – Khi bật máy tính bạn nghe thấy một tiếng beeps đơn và nhìn thấy code của lỗi đó bắt đầu bằng số 2. Lỗi thuộc bộ phận nào?

a. Processor problem

b. Memory problem

c. Video problem

d. System board problem

3 – Bạn muốn tăng tốc độ làm việc của máy tính. Cách nào là tốt nhất để nâng cấp?

a. Add thêm ROM

b. Tăng dung lượng ổ cứng

c. Add thêm RAM

d. Tăng dung lượng Video card

4 – Bạn vừa kết thúc việc soạn thảo một bản báo cáo ở công ty. Bạn lưu bản báo cáo đó vào đĩa mềm để hoàn thành vào lần sau. Khi bạn về nhà sử dụng đĩa mềm để tiếp tục công việc thì nhận được một thông báo lỗi “trying to access the disk”. Nguyên nhân có thể là gì (chọn tất cả các câu trả lời đúng)

1. Hai ổ đĩa mềm không cùng loại
2. Đĩa mềm đang ở ở trạng thái write protected
3. Đĩa mềm bị hỏng
4. Đĩa mềm ở nhà bạn bị hỏng

5 – Một khách hàng phàn nàn rằng anh ta không thể copy được dữ liệu ở trong ổ CD từ DOS. Mặc dù driver của CD-ROM đã được load và anh ta có thể nghe nhạc từ đĩa CD bằng cách cắm trực tiếp headphone vào ổ CD. Vấn đề là gì?

A – Data cable không được cắm vào ổ CD

B – CD-ROM hỏng

C - MSCDEX.EXE cần được load trong AUTOEXEC.BAT

D - BIOS cần được update

6 – Trong quá trình POST xuất hiện một lỗi trong khoảng từ 100 – 199. Vấn đề là gì?

A – System board

B – Keyboard

C – Floppy disk

D – Memory

7 – Thông tin thiết đặt trong BIOS bị mất. Vấn đề là gì?

A – RAM hỏng

B – Nguồn AC hỏng

C – ổ cứng hỏng

D – Pin CMOS yếu hoặc hết

8 – Một lỗi có mã 3\*\* xuất hiện trong quá trình khởi động. Nó chỉ ra thiết bị nào bad?

A – Keyboard

B – Memory

C – Floppy disk

D – System board

9 – Điều gì sẽ xảy ra nếu ai đó đổi tên file COMMAND.COM?

A – Máy tính có thể sẽ không khởi động được

B – Không có gì xảy ra

C – Không có gì xảy ra nếu thư mục gốc vẫn còn

D – Máy tính chỉ khởi động vào DOS

10 – Chọn ra hai cách để copy các file hệ thống vào một phân vùng hay ổ đĩa

A – Sử dụng FDISK

B – Sử dụng lệnh FORMAT /S

C – Sử dụng lệnh FORMAT /P

D – Sử dụng lệnh SYS

11 – Câu lệnh nào có thể tạo ra một phân vùng có khả năng khởi động (Setative Partion)?

A – SYSTEM

B – SYS

C – FDISK

D – SYSEDIT

12 – Lỗi nào không phải là lỗi nghiêm trọng của DOS

A – Phiên bản DOS không chính xác

B – Lỗi file dòng xxx trong file CONFIG.SYS

C – Lỗi hoặc hỏng file COMMAND.COM

D – Không tìm thấy boot partition

13 – Trong win9x, giới hạn độ dài tên file là?

A – 255 ký tự

B – 8 ký tự

C – 8 ký tự phần chính và 3 ký tự phần mở rộng

D – Không giới hạn

14 – Trong win98 cấu hình startup được lưu trữ trong những file nào? (Chọn tất cả các câu trả lời đúng)

A – SYSTEM.DAT

B – USER.DAT

C – CONFIG.SYS

D – AUTOEXEC.BAT

15 – Khi bắt đầu cài đặt Windows, bạn chạy file nào để bắt đầu?

A – SETUP.EXE

B – INSTALL.EXE

C – WIN.COM

D – INSTALL.BAT

Test 8

1. Lựa chọn tất cả các câu đúng

a. COM 1 và COM 3 sử dụng chung một IRQ

b. COM 1 và COM 4 sử dụng chung một IRQ

c. COM 2 và COM 4 sử dụng chung một IRQ

d. COM 1 và COM 2 sử dụng chung một IRQ

1. Cổng COM là cổng… ?
2. Parallel
3. Serial
4. Static
5. Multi
6. Scsi
7. MSCDEX.EXE để làm gì ?
8. Cấu hình của ổ cứng
9. Là SCSI driver
10. CD-ROM dos driver
11. Không có gì
12. Nếu BIOS cho phép bạn có thể khởi động hệ thống từ CD-ROM
13. True
14. False
15. Tốc độ đơn của ổ CD là
16. 1MB/giây
17. 100MB/giây
18. 20000 bits/giây
19. 150Kbs/giây
20. CD-ROM audio cable kết nối vào…
21. Speaker
22. Power supply
23. Sound card ( hoặc main nếu sound được tích hợp trên main )
24. BIOS
25. Hard driver
26. POST viết tắt là:
27. Positive Operating System Test
28. Particle Of Static Transfer
29. Power On Self Test
30. Printer Online Static Test
31. Printer Online Standard Test
32. Để sử dụng chuột nối tiếp bạn phải load file mouse.sys ở đâu ?
33. Config.sys
34. Autoexec.bat
35. Win.ini
36. Io.sys
37. Msdos.sys
38. File mouse.com hoặc mouse.bat có thể nằm ở đâu ?
39. Config.sys
40. Autoexec.bat
41. System.ini
42. Io.sys
43. Msdos.sys
44. Hai file hệ thống được ẩn trong DOS là ?
45. Io.sys
46. Command.com
47. Os2.exe
48. Msdos.sys
49. Câu lệnh nào để gán thuộc tính Read Only của file ?
50. Attrib + r “ filename “
51. Read\_only +r “filename”
52. Readonly /y “filename”
53. Attrib /r “filename”

Test 9

1. Những kiểu file nào có thể chạy đơn giản bằng cách type chúng ở DOS prompt?
2. sys
3. exe
4. bat
5. com
6. dat
7. txt
8. File nào được hiện thị ở DOS prompt?
9. prompt
10. command.com
11. io.sys
12. msdos.sys
13. prompt.com
14. File nào dùng để tạo ra một ổ ảo (sử dụng dung lượng của RAM để lưu trữ data)?
15. vram.sys
16. virtual.sys
17. virtual.ram
18. ramdisk.sys
19. ramdrive.sys
20. Câu lện nào dùng để phân vùng ổ cứng?
21. partn
22. fddisk
23. format
24. chkdsk
25. cp
26. Nếu bạn có data trên ổ cứng mà bạn muốn repartion, trước tiên bạn nên làm gì?
27. run scandisk
28. run chkdsk
29. format
30. sys c:
31. backup all files
32. Câu lệnh nào cho phép hiện thị disk’s volume label?
33. label
34. disp/ vol
35. vol
36. label/ vol
37. chk/ label
38. Câu lệnh nào có thể thay đổi hoặc add disk’s volume label?
39. chg/ label
40. vol
41. vol/ add
42. label
43. chk/ label
44. Bạn muốn chạy chế độ Seft Mode bạn phải làm gì trong quá trình khởi động?
45. F8, chọn “Safe Mode”
46. F5
47. F4
48. ấn ALTS ngay khi Windows bắt đầu
49. Từ đường dẫn nào của Win9x desktop bằng cách nào bạn có thể lấy lại nó?
50. control panel, devices
51. device manager
52. system, settings
53. explorer, devices
54. devices in “My Computer”
55. Nếu bạn xóa một file từ Windows hay Win9x desktop bằng cách nào bạn có thể lấy lại nó?
56. run undelete from a DOS prompt
57. b. run 95undel from a Windows 95 command line
58. look in the Recycle Bin
59. run recover.exe
60. you can’t get get it back

Tạ Quang Khôi - DH20LT